

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và 02 tháng đầu năm 2023; nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đến cuối năm 2023
(Phục vụ cuộc họp của UBND tỉnh ngày 09/03/2023)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh báo cáo kết quả thực Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) năm 2022 và 02 tháng đầu năm 2023; nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đến cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về tổ chức bộ máy, thành lập ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Trưởng ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- UBND các huyện thực hiện Chương trình đã Quyết định thành lập BCĐ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện phân công nhiệm vụ cho Trưởng phòng Dân tộc là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện có tổ chức phòng Dân tộc); Chánh Văn phòng huyện là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện không tổ chức phòng Dân tộc).

2. Về việc xây dựng và ban hành cơ chế thực hiện; phân công, phối hợp thực hiện Chương trình

- Về ban hành cơ chế thực hiện Chương trình: Để triển khai thực hiện Chương trình, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành 18 văn bản quy định, kế hoạch, hướng dẫn có liên quan để triển khai thực hiện Chương trình; cụ thể:

HĐND tỉnh đã ban hành 04 Nghị quyết¹ có liên quan đến thực hiện Chương trình; UBND tỉnh đã ban hành 06 Quyết định² thực hiện cơ chế, chính sách có liên quan đến thực hiện Chương trình và ban hành 09 Kế hoạch³ thực hiện Chương trình và các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thực hiện Chương trình và nhiều văn bản chỉ đạo, giao nhiệm vụ triển khai thực hiện Chương trình cho các Sở, ban ngành và UBND các huyện.

- Về cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình: Tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành và Hội đồng tỉnh chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo;

¹ Gồm: (1) Nghị quyết số: 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; (2) Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 về Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; (3) Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 về Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (4) Nghị quyết số: 33/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 về Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

² Gồm: (1) Quyết định số: 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (2) Quyết định số: 1407/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình: Trường học mầm non, mẫu giáo, NVH thôn, bản, chợ nông thôn, các công trình đường giao thông và công trình kiên cố hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (3) Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 4/01/2023 về việc ban hành Quy định quản lý, thánh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các CTMTQG trên địa bàn tỉnh; (4) Quyết định số: 04/2023/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với một số dự án áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (5) Quyết định số: 08/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 Quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ một (01) dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (6) Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định và ủy quyền phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

³ Gồm: (1) Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; (2) Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 19/8/2022 về thực hiện Chương trình năm 2022; (3) Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2023 về Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (4) Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về truyền thông thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025; (5) Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 28/9/2022 về việc triển khai Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" giai đoạn: 2021-2030 (giai đoạn I: 2021 - 2025); (6) Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 về Theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình năm 2022; (7) Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/11/2022 về việc thực hiện Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; (8) Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 27/02/2023 về thực hiện Dự án 7 "Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em" thuộc Chương trình giai đoạn 2021-2025; (9) Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 21/02/2023 về thực hiện Chương trình năm 2023.

UBND các huyện triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan Thường trực Chương trình và các cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần cấp tỉnh. Ngoài ra, hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh với định hướng là đẩy mạnh việc phân cấp cho cấp huyện, xã quản lý, thực hiện

- Về cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*tại Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 02/3/2023*).

- Về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình: Được thực hiện theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ ngành Trung ương và các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Về thông tin truyền thông, vận động:

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; trên cơ sở đó, các Sở ngành tỉnh và UBND các huyện đã ban hành kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình.

4. Về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện Chương trình:

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND các huyện thực hiện Chương trình và các sở, ngành được giao chủ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương. Hiện nay Ban Dân tộc tỉnh đang xây dựng Kế hoạch theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình năm 2023 để trình UBND tỉnh ban hành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022 VÀ 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Về tình hình phân bổ, giao vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025, năm 2022 và năm 2023

a) Về tình hình giao vốn giai đoạn 2021 – 2025

- Đối với vốn đầu tư phát triển: trên cơ sở Quyết định giao vốn giai đoạn 2021 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 và UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 với tổng kế hoạch vốn là 1.202.787 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 1.092.116 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 110.621 triệu đồng. Ngoài ra, đối với nguồn vốn đầu tư phát triển bổ sung giai đoạn 2021 – 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 23/02/2023; Ban Dân tộc tỉnh đã đề xuất phương án phân bổ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ cho các địa phương là 14.885 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là 13.530 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.355 triệu đồng.

- Đối với vốn sự nghiệp: Hiện nay, Trung ương chưa thông báo nguồn vốn này giai đoạn 2021 – 2025 cho tỉnh.

b) Về tình hình giao vốn năm 2022

Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình là 370.190 triệu đồng, cụ thể:

- Đối với vốn đầu tư phát triển: trên cơ sở Quyết định giao vốn năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 và UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 giao kế hoạch vốn cho các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện thực hiện Chương trình năm 2022 với tổng kế hoạch vốn đầu tư đã giao là 241.924 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 218.108 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 23.816 triệu đồng.

- Đối với vốn sự nghiệp: trên cơ sở Quyết định số 1081/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 và Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 giao kế hoạch vốn cho các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện thực hiện Chương trình năm 2022 với tổng kế hoạch vốn đầu tư đã giao là 128.226 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 114.385 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 13.881 triệu đồng.

c) Về tình hình giao vốn năm 2023

- Đối với vốn đầu tư phát triển: trên cơ sở Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 và UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 giao kế hoạch vốn cho các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện thực hiện Chương trình năm 2023 với tổng kế hoạch vốn đầu tư đã giao (*đợt 1*) là 296.651 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương

là 279.404 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 17.247 triệu đồng. Đối với phần vốn còn lại (*sẽ được phân bổ đợt 2*), UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho Các Chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư (*lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định đầu tư*) để đủ điều kiện giao vốn khởi công mới năm 2023 (đợt 2) tại Công văn số 806/UBND-KGVX ngày 03/3/2023.

- Đối với nguồn vốn sự nghiệp: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua với tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 399.680 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 359.565 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 40.115 triệu đồng.

2. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án năm 2022

a) Kết quả giải ngân vốn:

Tổng số vốn của năm 2022 đã thực hiện giải ngân đến 31/01/2023 là 173.113 triệu đồng đạt 46,8% tổng kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Vốn đầu tư là 134.203 triệu đồng; gồm: ngân sách Trung ương là 123.262 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 10.941 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp là 38.911 triệu đồng; gồm: ngân sách Trung ương là 38.236 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 675 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần như chi tiết tại các phụ lục 01, 02, 03 kèm theo.

3. Kết quả thực hiện Chương trình 02 tháng đầu năm 2023

Ngày 21/02/2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; trên cơ sở này, hiện nay các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, thực hiện các nội dung, Dự án, Tiểu dự án thành phần đang xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các thủ tục để triển khai thực hiện.

Ngoài việc triển khai thực hiện các nội dung và kế hoạch vốn của năm 2023, hiện nay các Sở ban ngành tỉnh và các huyện tiếp tục triển khai thực hiện nguồn vốn năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân trong năm 2023 là 197.076 triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư là 107.721 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 89.355 triệu đồng*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Các kết quả đạt được

Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; đến nay, hầu hết các quy định, các văn bản pháp lý để triển khai thực hiện Chương trình thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh đã được ban hành; các Sở, ban ngành và UBND các huyện đã triển khai thực hiện đạt được một số kết quả nhất định; trong năm 2022, tỷ lệ

hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%.

2. Tồn tại, hạn chế

a) Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

b) Các cơ quan Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản của các Bộ ngành. Nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được Trung ương thông báo cho tỉnh nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình cả giai đoạn, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

c) Một số Sở, ngành được giao nhiệm vụ chỉ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình nhưng chưa thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện chung của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo quy định tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh mà chỉ thực hiện đối với phần nhiệm vụ được UBND tỉnh giao vốn cho đơn vị mình.

d) UBND các huyện thực hiện Chương trình chưa chủ động trong việc triển khai thực hiện, chưa nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh để áp dụng đã đến lúng túng trong thực hiện; chưa có giải pháp đổi mới cách làm nhằm nâng cao hiệu quả của Chương trình. Trong năm 2022, hầu hết các huyện chưa bố trí vốn đối ứng từ ngân sách huyện để thực hiện Chương trình.

đ) Việc triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Dự án 1 (*Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt*): Tại Khoản 2, Điều 5, Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “*Đối với trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định*”; tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản thực hiện cơ chế đặc thù đối với các trường hợp này gây khó khăn cho các địa phương thực hiện việc thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư hỗ trợ đất ở, nhà ở và đất sản xuất.

- Tiểu dự án 1, Dự án 2 (*phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*): Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND tỉnh, toàn bộ kinh phí sự nghiệp của Tiểu dự án này giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện; tuy nhiên, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì

một số nội dung thuộc Tiểu dự án này do cấp huyện thực hiện nhưng Sở Nông nghiệp và PTNT không thể phân bổ vốn trực tiếp cho các huyện để thực hiện các nội dung của Tiểu dự án này tại địa phương.

Về xác định tiêu chí “*Hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực*” để thực hiện nội dung “*Trợ cấp gạo theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT*”. Qua rà soát các văn bản hướng dẫn của Trung ương không có nội dung nào hướng dẫn liên quan đến việc xác định “*hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực*” nên không có cơ sở để xác định đối tượng thụ hưởng nội dung trợ cấp gạo.

- Tiểu dự án 2, Dự án 2 (*Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN*): Hiện nay, các địa phương đang lúng túng trong cách thức tổ chức triển khai thực hiện Nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; các danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của các huyện chưa phù hợp (*còn chung chung, quy mô tương đối nhỏ*); một số địa phương chưa rõ thẩm quyền phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trung hạn theo quy định tại điểm b Điều 18 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; chưa chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức lựa chọn danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng trung hạn trình UBND cấp huyện phê duyệt; chưa thành lập các tổ, nhóm cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Theo Tiêu chí phân bổ vốn tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh, trong năm 2022, UBND tỉnh phân bổ vốn cho Hội Nông dân tỉnh, Liên Minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh đoàn và Ban Dân tộc tỉnh để thực hiện nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư; tuy nhiên theo báo cáo của Hội Nông dân tỉnh thì hiện nay không triển khai thực hiện được nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do vướng quy định về phân cấp quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và cộng đồng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND (*phân cấp UBND cấp huyện làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi trong huyện; UBND cấp xã làm chủ đầu tư các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng*).

Ngoài ra, tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên các cơ quan quản lý các dự án này không có kinh phí để thực hiện.

- Tiểu dự án 1, Dự án 4:

Tại Nội dung số 02 (*Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN*): theo đề xuất danh mục đầu tư công về xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ của các huyện để làm cơ sở phân bổ vốn Tiểu dự án 1, Dự án 4 giai đoạn 2021 –2025 có 16 danh mục xây dựng chợ, gồm: 11 danh mục chợ xây dựng mới và 05 danh mục chợ nâng cấp, sửa chữa (*đã được HĐND các huyện thông qua*). Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022 của Bộ Công Thương thì tỉnh Quảng Ngãi được phân bổ đầu tư xây dựng mới 01 chợ và nâng cấp, cải tạo 04 chợ nhưng không có danh mục chợ cụ thể gây khó khăn cho các địa phương trong xác định danh mục chợ phù hợp để làm cơ sở phân bổ vốn và triển khai thực hiện.

- Tiểu dự án 2, Dự án 5 (*Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN*):

+ Tại Nội dung số 01: Ủy ban Dân tộc chưa ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, đối tượng 4; chưa ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

+ Tại Nội dung số 02: Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng đào tạo đại học chưa phù hợp với quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg (*tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng đào tạo đại học là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học*) và chưa hướng dẫn rõ quy trình lựa chọn đối tượng, hình thức ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học. Hiện nay học sinh học dự bị đại học trên địa bàn tỉnh rất ít nên các huyện không triển khai thực hiện chính sách này được.

- Tiểu dự án 3, Dự án 5 (*phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và miền núi*): theo báo cáo của một số huyện, hiện nay số lượng đối tượng để đào tạo nghề ít nên khó khăn trọng việc triển khai thực hiện Tiểu dự án này.

- Tiểu dự án 4, Dự án 5 (*Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*): Ủy ban Dân tộc chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp.

- Dự án 6: Các chỉ tiêu, nhiệm vụ Dự án 6 theo Kế hoạch, Nghị quyết của địa phương đã được ban hành và đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh không trùng chỉ tiêu, nhiệm vụ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao tại Công văn số 2651/BVHTTDL-KHTC ngày 19/7/2022.

- Tiểu dự án 1, Dự án 9 (*đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*): Chưa hướng dẫn cụ thể

về hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

- Tiểu dự án 1, Dự án 10 (*Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình*): Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến.

+ Tiểu dự án 2, Dự án 10 (*Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN*): Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nên không thể lập danh mục dự án đầu tư (*đối với nguồn vốn đầu tư công*). Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “*Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự*” nên chưa thể thực hiện nội dung này.

Các nội dung khó khăn, vướng mắc nêu trên thuộc thẩm quyền của Trung ương đã được UBND tỉnh kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương tại Công văn số 4558/UBND-KGVX ngày 12/9/2022 và Công văn số 6654/UBND-KGVX ngày 30/12/2022 và đã được Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ ngành Trung ương giải quyết tại Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 nhưng đến nay chưa có hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương.

Với những nội dung khó khăn, vướng mắc nêu trên thì việc triển khai thực hiện và hoàn thành giải ngân vốn năm 2023 (*bao gồm vốn năm 2022 được kéo dài và thực hiện năm 2023*) theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 là hết sức khó khăn.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP ĐẾN CUỐI NĂM 2023

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở và người dân ở vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình nhằm thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

2. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã; trong đó cần chú trọng tập huấn các văn bản mới để đảm bảo cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn;

3. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình; trong đó chú trọng đến việc các vấn đề cần thiết,

bức xúc, nâng cao thu nhập cho người dân như hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện...; cần có phương pháp mới, cách làm mới trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

4. Tiếp tục kiến nghị các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình.

5. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 phù hợp với thực tiễn.

6. Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ cập nhật các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành chủ quản, chủ động ban hành (*hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành*) các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung do cơ quan mình chủ trì, quản lý; triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

7. Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động vốn đảm bảo thực hiện Chương trình theo Kế hoạch này và Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022. Tăng cường vận động các nguồn lực ngoài ngân sách, các doanh nghiệp tham gia vào các dự án hỗ trợ, đầu tư của chương trình; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách. Lồng ghép việc thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

8. Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, vai giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của Chương trình năm 2023, Ban Dân tộc tỉnh kính đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo một số nội dung sau:

1. Tiếp tục có văn bản đề nghị các cơ quan Trung ương tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 71/CD-TTg ngày 23/02/2023 và báo cáo, đề xuất

của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 381/SKHĐT-KGVX ngày 03/3/2023.

2. Chỉ đạo các Sở, ban ngành của tỉnh chỉ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình thực hiện nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc xây dựng kế hoạch, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xử lý, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần do đơn vị mình chủ trì. Chủ động đề nghị các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình do đơn vị mình chủ trì. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan chủ trì Chương trình (*Ban Dân tộc tỉnh*) và theo yêu cầu của các cấp, các ngành.

3. Chỉ đạo UBND các huyện khăn trương, chủ động triển khai thực hiện Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, trong đó tập trung nghiên cứu cách làm mới, nội dung hỗ trợ phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Chủ động phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện và tổ chức triển khai thực hiện (*Ban Dân tộc tỉnh đề xuất UBND tỉnh không có dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cấp tỉnh thuộc Chương trình*).

4. Chỉ đạo UBND các huyện miền núi khăn trương hoàn thành các thủ tục để Ký kết Hợp đồng giữa các đơn vị liên kết triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình tại Hội nghị thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN tỉnh Quảng Ngãi theo Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh và theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 38/BDT-CSDT ngày 19/01/2023. Riêng UBND huyện Trà Bồng khăn trương hoàn thành các thủ tục để trao Quyết định đầu tư dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại Hội nghị này.

5. Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 10 (*Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN*); vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh kính đề nghị UBND tỉnh cho chủ trương để trình cấp có thẩm quyền điều chuyển nguồn vốn đầu tư công năm 2022, năm 2023 phân bổ cho Ban Dân tộc và UBND các huyện để các huyện để thực hiện các nội dung khác của Chương trình.

6. Chỉ đạo các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp cơ sở và người dân ở vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình, nhất là trong việc tham gia thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

7. Tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện quán triệt; thực hiện rà soát, điều chỉnh định mức hỗ trợ, đầu tư của các dự án sử dụng vốn đầu tư công của Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc Chương trình trên địa bàn huyện đảm bảo theo định mức được quy định tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng chính phủ (nếu có).

8. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí đủ vốn đối ứng năm 2023 từ ngân sách tỉnh (tối thiểu bằng 10%) để thực hiện Chương trình. Chỉ đạo UBND các huyện bố trí vốn đối ứng từ ngân sách huyện (tối thiểu bằng 5%) để thực hiện Chương trình năm 2022 và 2023 theo quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.

9. Tiếp tục chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư (lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định đầu tư) để đủ điều kiện giao vốn khởi công mới năm 2023 (đợt 2).

10. Chỉ đạo Sở Công Thương xin ý kiến của Bộ Công Thương đối với danh mục dự án chợ được đầu tư của tỉnh tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022; trên cơ sở đó chủ trì, hướng dẫn UBND các huyện rà soát, trình HĐND cấp huyện phê duyệt danh mục, địa điểm các chợ được đầu tư xây mới và chợ cải tạo, nâng cấp giai đoạn 2021 – 2025 thuộc Chương trình để làm cơ sở đưa vào tiêu chí tính điểm phân bổ vốn đầu tư của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 cho các huyện trong những năm tiếp theo.

11. Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hàng năm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện rà soát, xây dựng kế hoạch tín dụng thực hiện Chương trình phù hợp với tình hình thực tiễn và Kế hoạch, nhu cầu vốn vay tín dụng chính sách quy định tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CT MTQG;
- UBND các huyện thực hiện CT;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Trần Văn Mẫn